

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 22.08.2023
Sản phẩm: **Ammonium sulfate special grade**

Phiên bản: 1.0

(30042199/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 16.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Ammonium sulfate special grade

Sử dụng: Hóa chất

Sử dụng được đề xuất: phân bón, Hóa chất, Chất trung gian, hóa chất chế biến, Hộp chất chứa cháy, Các hóa chất thí nghiệm

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Độ độc cấp tính: Cat.5 (tiếp xúc miệng)

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 22.08.2023
Sản phẩm: **Ammonium sulfate special grade**

Phiên bản: 1.0

(30042199/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 16.10.2025

Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H303 Có thể nguy hại khi nuốt phải.
H402 Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P273 Tránh thải vào môi trường.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P312 Liên hệ với TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.

Lưu ý khi thải bỏ:

P501 Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

Ammonium sulphate

Số CAS: 7783-20-2

caprolactam (Hàm lượng (W/W): < 0.5 %)

Số CAS: 105-60-2

Thành phần nguy hại

Ammonium sulphate

Hàm lượng (W/W): $\geq 75\%$ - $\leq 100\%$ Acute Tox.: Cat. 5 (tiếp xúc miệng)

100 % Aquatic Acute: Cat. 3

Số CAS: 7783-20-2

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:

Sau khi hít phải bụi. Không khí trong lành. Nếu cảm thấy khó chịu: Gọi bác sĩ. Sau khi hít phải các sản phẩm phân hủy: Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 22.08.2023
Sản phẩm: **Ammonium sulfate special grade**

Phiên bản: 1.0

(30042199/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 16.10.2025

Khi tiếp xúc với mắt:

Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to. Gọi bác sĩ.

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Những mối nguy hiểm: Sau khi hít phải các sản phẩm phân hủy: Nguy cơ phù phổi. Các triệu chứng có thể xuất hiện sau đó.

Việc xử lý: Sau khi hít phải các sản phẩm phân hủy: Phòng bệnh phù phổi.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Phun nước, bột, bột khô

Những mối nguy hiểm cụ thể:

Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Những mối nguy hiểm cụ thể:

Ở nhiệt độ của 235 °C có thể được phát ra: ammonia

các oxit nitơ, các oxit sulfur

Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thông tin bổ sung:

Tự bản thân sản phẩm không cháy; phương pháp dập tắt lửa các khu vực xung quanh phải được xem xét. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bản hóa chất theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Thu gom và thải bỏ nước rửa nhiễm hoá chất.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng lớn: Dọn sạch/ xúc sạch.

Cho phần còn lại: Dọn sạch/ xúc sạch. Rửa sạch với nước.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 22.08.2023
Sản phẩm: **Ammonium sulfate special grade**

Phiên bản: 1.0

(30042199/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 16.10.2025

Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với các chất kiềm và các chất kiềm hóa. Cách ly với Nitrit và chất kiềm.

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Thép không gỉ 1.4401, Thép không gỉ 1.4301 (V2), nhôm, Thủy tinh được thêm chất dẻo (GRP), Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, kính, Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Chống ẩm. Chất/sản phẩm có thể đóng bánh dưới tác động của độ ẩm

Tính ổn định lưu trữ:

Nhiệt độ lưu trữ: 20 °C

Thời gian lưu trữ: 24 Months

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp nếu có thể hít phải các sol khí/bụi được hình thành. Bộ lọc hạt có hiệu suất thấp đối với các hạt rắn (vd. EN 143 hay 149, Loại P1 hay FFP1)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất (EN ISO 374-1)

ví dụ cao su nitril (0.4 mm), cao su chloropren (0.5 mm), polyvinylchloride (0.7 mm) và chất khác

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Phải chọn biện pháp bảo vệ toàn thân dựa trên mức độ hoạt tính và phơi nhiễm.

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Vào cuối ca rửa sạch da và xoa các chất chăm sóc da.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	kết tinh
Màu sắc:	Màu trắng
Mùi:	không mùi
Ngưỡng mùi:	Không có sẵn các dữ liệu.

Giá trị pH:	tương đương 5 (100 g/l, 20 °C)	(pH kế)
-------------	-----------------------------------	---------

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 22.08.2023

Sản phẩm: **Ammonium sulfate special grade**

Phiên bản: 1.0

(30042199/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 16.10.2025

điểm nóng chảy (phân hủy):	tương đương 350 °C	
	Chất / sản phẩm phân hủy.	
bắt đầu sôi:		
	Chất / sản phẩm phân hủy do đó không được xác định.	
Điểm chớp cháy:	Chất/sản phẩm không cháy.	
Tốc độ bay hơi:	không áp dụng, Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không bắt cháy	
Giới hạn nổ dưới (LEL):	không áp dụng	
Giới hạn nổ trên (UEL):	không áp dụng	
Nhiệt độ tự cháy:	không áp dụng	
Phân huỷ do nhiệt:	> 235 °C	(phương pháp nội bộ)
	Để tránh phân giải nhiệt, không đun quá nóng.	
Tự bắt cháy:	không tự cháy	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
	Số liệu chưa xác định mà nguyên nhân là nguy cơ tự phát cháy thấp do điểm chớp cháy cao.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ cao
Khả năng tự gia nhiệt:	Chất không có khả năng tự gia nhiệt.	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	0.0000001 hPa (25 °C) Dữ liệu tài liệu.	(được đo lường)
Tỷ trọng:	1.766 g/cm ³ (20 °C)	(OECD-Hướng dẫn 109)
Tỷ trọng tương đối:	1.77 (25 °C, 1,013 hPa) Dữ liệu tài liệu.	
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:	1,000 kg/m ³ (20 °C)	
Tỷ trọng hơi (không khí):	không áp dụng, Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 22.08.2023
Sản phẩm: **Ammonium sulfate special grade**

Phiên bản: 1.0

(30042199/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 16.10.2025

Tính tan trong nước:

764 g/l
(20 °C)843 g/l
(50 °C)Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):
không áp dụng

Hấp thụ:

Các nghiên cứu khoa học chưa được
chứng minh.

Sức căng bề mặt:

Dựa trên cấu trúc hóa học, không có
khả năng có bề mặt hoạt tính.

Tính nhớt, động lực:

không áp dụng

Tính nhớt, động học:

không áp dụng, sản phẩm là chất
rắn.

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt:

> 235 °C (phương pháp nội bộ)
Để tránh phân giải nhiệt, không đun quá nóng.

Những chất cần tránh:

các chất phản ứng với kiềm, các chất nitrit

Những phản ứng nguy hiểm:

Tạo khí amoniac dưới tác động của kiềm Phản ứng với kiềm và các muối nitrit.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

ammonia

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc**Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng**

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 22.08.2023
Sản phẩm: **Ammonium sulfate special grade**

Phiên bản: 1.0

(30042199/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 16.10.2025

LD50chuột (miệng): 4,250 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

Độ độc cấp tính khi hít phải

(bằng cách hít phải):Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.

Độ độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): > 2,000 mg/kg

Dữ liệu tài liệu.

Đánh giá độ độc cấp tính

độc tính thấp sau 1 lần ăn vào. độc tính thấp sau khi tiếp xúc với da trong thời gian ngắn.

Thông tin trên: Ammonium sulphate

Đánh giá độ độc cấp tính

độc tính thấp sau 1 lần ăn vào. độc tính thấp sau khi tiếp xúc với da trong thời gian ngắn.

Triệu chứng

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Không gây kích ứng da. Không gây kích ứng mắt.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thử: không gây kích ứng (Thí nghiệm BASF)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thử: không gây kích ứng (Thí nghiệm BASF)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: Không làm mẫn cảm.

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Chất không gây đột biến trên tế bào động vật có vú. Không có đột biến chất trong các cuộc nghiên cứu động vật có vú.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm Ames

tiêu cực (OECD hướng dẫn 471)

Thí nghiệm di truyền học tế bào

tiêu cực (OECD hướng dẫn 473)

Dữ liệu tài liệu.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 22.08.2023
Sản phẩm: **Ammonium sulfate special grade**

Phiên bản: 1.0

(30042199/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 16.10.2025

Thí nghiệm HGPRT
Các tế bào CHO: tiêu cực (OECD hướng dẫn 476)

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Không phát hiện tác nhân gây ung thư trong các nghiên cứu lâu dài trên động vật bằng cách cho hoá chất nồng độ cao vào trong thức ăn.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:
Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:
Không chỉ số nào về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Những thông tin hiện tại không đầy đủ và phù hợp để đánh giá.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:
Không tìm thấy độc tính lên các cơ quan cụ thể sau khi cho động vật tiếp xúc nhiều lần với hóa chất.

Nguy cơ khi hít vào

không áp dụng

Thông tin độc tính liên quan khác

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:
Sự kim hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp. Tác hại cấp tính cho thủy sinh vật.

Độc với loài cá:
LC50 (96 h) 53 mg/l, *Oncorhynchus mykiss* (Thí nghiệm cấp tính ở cá)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 22.08.2023
Sản phẩm: **Ammonium sulfate special grade**

Phiên bản: 1.0

(30042199/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 16.10.2025

Loài không xương sống thủy sinh:
EC50 (48 h) 121.7 mg/l, *Ceriodaphnia* sp. (Thí nghiệm cấp tính ở loài *Daphnia*, tính điện)

Thực vật thủy sinh:
EC50 (18 d) 2,700 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Chlorella vulgaris* (
Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:
EC20 (0.5 h) tương đương 1,050 mg/l, bùn hoạt tính (Hướng dẫn OECD 209, ở dưới nước)
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:
EC10 (70 d), 3.12 mg/l (bán tính)

Vi sinh vật sống trong đất:
LC50 (14 d) 201 mg/kg, *Giun Eisenia foetida* (đất nhân tạo)
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Những loài động vật không có vú trên cạn khác:
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:
Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:
Không có khả năng tích lũy trong sinh khối.

Khả năng tích lũy sinh học:
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

13. Thông tin về thải bỏ

Kiểm tra để sử dụng trong nông nghiệp.
Liên hệ nhà sản xuất.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:
Bao bì nhiễm bẩn nên được trút ra tối đa có thể, sau đó chúng có thể được chuyển đi tái sinh sau khi được làm sạch hoàn toàn.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 22.08.2023

Sản phẩm: **Ammonium sulfate special grade**

Phiên bản: 1.0

(30042199/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 16.10.2025

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:

Nhóm đóng gói:

Mối nguy hiểm về môi trường:

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng

Không áp dụng

Không áp dụng

Không áp dụng

Không áp dụng

Ô nhiễm hàng hải: không

Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable
Marine pollutant: no

Special precautions for user: None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:

Nhóm đóng gói:

Mối nguy hiểm về môi trường:

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng

Không áp dụng

Không áp dụng

Không áp dụng

Không áp dụng

Chưa có thông tin

Air transport

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for user: None known

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có). - Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Những hàng trống bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.